

Số: 2213/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2009 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 3 năm 2009;

Căn cứ Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2009 của Chính phủ về phiên họp Chính phủ thường kỳ tháng 10 năm 2009;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương tại tờ trình 12703/TTr-BCT ngày 30 tháng 11 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc hỗ trợ lãi suất vốn vay mua máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở khu vực nông thôn.

1. Bổ sung khoản 3 vào Điều 2

"3. Khu vực nông thôn để được hỗ trợ lãi suất vốn vay mua vật liệu xây dựng nhà ở chỉ bao gồm địa bàn xã, không bao gồm địa bàn phường và thị trấn."

2. Sửa đổi Điều 3

"Điều 3. Hàng hoá được hỗ trợ lãi suất

Hàng hoá được hỗ trợ lãi suất vốn vay là hàng hoá được sản xuất tại Việt Nam, bao gồm:

a) Các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí phục vụ sản xuất và chế biến nông nghiệp;

b) Xe tải nhẹ trọng tải dưới 05 tấn;

c) Máy vi tính để bàn;

d) Vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp:

- Phân bón hoá học các loại: phân ure, phân lân nung chảy và phân lân super, các loại phân NPK có hàm lượng dinh dưỡng (N, P₂O₅, K₂O) từ 18% trở lên, phân DAP;

- Thuốc bảo vệ thực vật các loại thuộc Danh mục thuốc bảo vệ thực vật được phép sử dụng ở Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 09/2009/TT-BNN ngày 03 tháng 3 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

đ) Các loại vật liệu xây dựng chủ yếu để làm nhà: xi măng, thép xây dựng, gạch, ngói các loại, tấm lợp các loại."

3. Sửa đổi khoản 2 Điều 4

"2. Điều kiện được vay đối với các tổ chức, cá nhân vay:

a) Thuộc đối tượng theo quy định tại Điều 1 của Quyết định số 497/QĐ-TTg ngày 17 tháng 4 năm 2009 và hàng hoá theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Quyết định này;

b) Là tổ chức, cá nhân trực tiếp sản xuất hoặc phục vụ sản xuất nông nghiệp (không phải mua về để bán lại);

c) Nếu vay vốn để mua vật liệu xây dựng nhà ở thì phải có địa chỉ cư trú hợp pháp tại xã và được Ủy ban nhân dân xã xác nhận."

4. Sửa đổi Điều 5

"Điều 5. Mức tiền cho vay tối đa, mức lãi suất được hỗ trợ, thời hạn hỗ trợ lãi suất

1. Mức tiền vay tối đa và mức lãi suất được hỗ trợ:

a) Mức tiền vay tối đa:

- Đối với các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp, các sản phẩm vật tư nông nghiệp: mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hoá;

- Đối với máy vi tính: mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hoá nhưng không quá 05 triệu đồng/chiếc;

- Đối với vật liệu xây dựng các loại làm nhà ở: mức tiền vay tối đa bằng 100% giá trị hàng hoá nhưng không vượt quá 50 triệu đồng.

b) Mức lãi suất hỗ trợ:

- Hỗ trợ 100% lãi suất vay đối với các khoản vay mua hàng hoá quy định tại các điểm a, b, c khoản 2 Điều 1 Quyết định này;

- Mức lãi suất được hỗ trợ đối với các khoản vay mua hàng hoá theo quy định tại điểm d, đ khoản 2 Điều 1 Quyết định này là 2%/năm.

2. Thời hạn hỗ trợ lãi suất:

Các khoản vay theo hợp đồng tín dụng được ký kết, giải ngân từ ngày 01 tháng 01 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2010 của các tổ chức, cá nhân để mua:

a) Các sản phẩm máy móc, thiết bị cơ khí, phương tiện phục vụ sản xuất, chế biến nông nghiệp và máy tính: thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 24 tháng.

b) Các sản phẩm vật tư nông nghiệp và vật liệu xây dựng các loại làm nhà ở: thời hạn vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 12 tháng."

5. Sửa đổi Điều 7

" Điều 7. Điều kiện đối với hàng hoá được hưởng chính sách hỗ trợ lãi suất vay vốn theo Quyết định này:

1. Hàng hoá do các tổ chức, cá nhân (có cơ sở sản xuất đặt tại Việt Nam được thành lập và hoạt động theo luật pháp Việt Nam) sản xuất, lắp ráp;

2. Có nhãn hàng hoá theo quy định tại Nghị định số 89/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ về nhãn hàng hoá."

6. Sửa đổi khoản 2, khoản 3 Điều 8

"2. Bộ Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành và địa phương tổ chức kiểm tra, giám sát để có đủ hàng hoá bảo đảm chất lượng và theo đúng các quy định tại khoản 5 Điều 1 Quyết định này;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chỉ đạo các doanh nghiệp sản xuất và cung cấp các hàng hoá là máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp được sản xuất tại Việt Nam thông báo công khai rộng rãi danh sách, địa chỉ các cơ sở bán hàng và hệ thống đại lý bán hàng của doanh nghiệp để tổ chức, cá nhân có nhu cầu biết, liên hệ.

3. Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương căn cứ khả năng ngân sách địa phương, chủ động hỗ trợ cho việc mua máy móc thiết bị, phương tiện, vật tư phục vụ sản xuất nông nghiệp và vật liệu xây dựng nhà ở nông thôn ngoài chủ trương hỗ trợ tại Quyết định này."

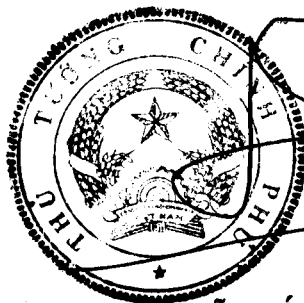
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2010.

Điều 3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc các ngân hàng thương mại chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- VP BCĐ TW về phòng, chống tham nhũng;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTT (5b). **240**

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng